

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Thế Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Diệu Hà.

2. Bà Hàn Hòa Thuận.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 209/2014/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2014 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thì nội dung vụ việc được xác định như sau:

Căn nhà số 92A Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Trần Đ (chết năm 1997) và bà Phạm E (chết năm 2011). Ông Đ và bà E có 10 người con bao gồm:

- Ông Trần Xuân T, sinh năm 1943.
- Bà Trần Thị L, sinh năm 1950.
- Bà Trần Thị T1, sinh năm 1954.
- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1940.
- Ông Trần Xuân T2, sinh năm 1957.
- Ông Trần Xuân T3, sinh năm 1938.
- Bà Trần Thị H, sinh năm 1945.
- Bà Trần Thị B, sinh năm 1952.
- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1941.
- Bà Trần Thị H2, sinh năm 1961.

Ông Đ và bà E lúc còn sống có làm di chúc chung được công chứng số 5764 ngày 15/4/1991 tại Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung để lại toàn bộ nhà đất tọa lạc tại 92A Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho các con là Trần Xuân T3, Trần Thị L, Trần Thị T1, Trần Thị H, Trần Thị B. Ông Đ chết năm 1997, không thay đổi di chúc.

Sau khi ông Đ chết, bà Phạm E có lập lại tờ di chúc khác ngày 28/7/2006 tại Hoa Kỳ (di chúc đã được hợp pháp hóa lãnh sự số 8562/ĐSQ-HPH 06 ngày 08/9/2006 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp

chúng quốc Hoa Kỳ). Theo đó, bà E để lại $\frac{1}{2}$ căn nhà số 92A Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho 02 con là: bà Trần Thị L và bà Trần Thị T1. Bà E chết ngày 07/6/2011.

Giá trị tài sản tranh chấp được xác định theo Chứng thư thẩm định giá số 645N-5/2017/CT-MHD ngày 29/12/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thẩm định giá MHD là 22.252.000.000 đồng (hai mươi hai tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thống nhất được về việc chia di sản thừa kế là nhà đất 92A Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1950.

Địa chỉ: 113/19/59 Đường X, Phường Y, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn T3 – Văn phòng Luật sư ĐL – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 470 Đường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 92A Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1940.

Địa chỉ: USA.

1.3.2. Ông Trần Xuân T2, sinh năm 1957.

Địa chỉ: USA.

1.3.3. Ông Trần Xuân T3, sinh năm 1938.

Địa chỉ: USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, ông T2 và ông T3: Bà Trần Thị L, sinh năm 1950.

Theo các Văn bản ủy quyền lập ngày 29/7/2015 và được chứng thực tại Đại sứ quán Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Washington D.C, Hoa Kỳ.

1.3.4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1945.

Địa chỉ: USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1954.

Theo Văn bản ủy quyền lập ngày 15/5/2015 và được chứng thực tại Đại sứ quán Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Washington D.C, Hoa Kỳ ngày 19/5/2015.

1.3.5. Bà Trần Thị B, sinh năm 1952.

Địa chỉ: USA.

1.3.6. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1941.

Địa chỉ: USA.

1.3.7. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1961.

Địa chỉ: USA.

1.3.8. Ông Trần Xuân T, sinh năm 1943.

Địa chỉ: 1 Đường B Khu dân cư B, phường A, quận N, Thành phố CT.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định di sản thừa kế là căn nhà số 92A Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị tài sản tại thời điểm thỏa thuận là 22.252.000.000 đồng. (hai mươi hai tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu đồng). Căn nhà do bà Trần Thị T1 đang quản lý, sử dụng. Bà T1 xác định không có yêu cầu gì về chi phí sửa chữa căn nhà trong quá trình ở đây.

2.2. Những người được chia di sản gồm có:

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1950;
- Bà Trần Thị T1, sinh năm 1954
- Ông Trần Xuân T, sinh năm 1943.
- Bà Trần Thị H, sinh năm 1945.
- Bà Trần Thị B, sinh năm 1952.

2.3. Di sản thừa kế được chia cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị L: Được hưởng 31,25 % giá trị di sản.
- Bà Trần Thị T1: Được hưởng 31,25 % giá trị di sản.
- Ông Trần Xuân T: Được hưởng 25 % giá trị di sản.
- Bà Trần Thị B: Được hưởng 6,25 % giá trị di sản.
- Bà Trần Thị H: Được hưởng 6,25 % giá trị di sản.

2.4. Những người được hưởng thừa kế theo quyết định công nhận thỏa thuận này sẽ bán nhà và chia số tiền bán nhà theo tỷ lệ như trên (sau khi đã trừ các chi phí, lệ phí theo quy định pháp luật). Thời hạn tối đa để các đồng thừa kế thực hiện thủ tục khai nhận di sản nêu trên và bán di sản để chia là 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Các đồng thừa kế thống nhất ủy quyền cho bà Trần Thị L đại diện các đồng thừa kế làm thủ tục khai nhận thừa kế đối với di sản nêu trên.

Hết thời hạn 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu không thực hiện được việc bán di sản để chia phần như đã thỏa thuận thì bất kỳ đồng thừa kế nào trong số 05 người được hưởng di sản theo quyết định công nhận

thỏa thuận này cũng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi di sản để chia di sản để chia theo tỷ lệ nêu trên.

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm được tính trên cơ sở định giá di sản thừa kế của Tòa án (giá trị di sản là 22.252.000.000 đồng).

- Bà Trần Thị L: Phải chịu số tiền 114.953.750 đồng (một trăm mười bốn triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng theo Biên lai thu số AG/2010/07009 ngày 09/6/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L còn phải nộp 104.953.750 đồng (một trăm lẻ bốn triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

- Bà Trần Thị T1: Phải chịu số tiền 114.953.750 đồng (một trăm mười bốn triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Xuân T: Phải chịu số tiền 113.563.000 đồng (một trăm mười ba triệu, năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị H: Phải chịu số tiền 53.722.500 đồng (năm mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị B: Phải chịu số tiền 53.722.500 đồng (năm mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao (tại TP. Hồ Chí Minh);
- VKSND cấp cao (tại TP. Hồ Chí Minh);
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự ;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thế Trọng